



Phụ lục I

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số 2130/UBND-VPH ngày 10 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Mỹ Hào)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC	74.00			
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	10.50			
1.1	Kế hoạch CCHC	1.00			
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	0.50		Kế hoạch	Phòng Văn hóa - Xã hội
	Có đầy đủ nhiệm vụ theo kế hoạch của tỉnh, thực hiện phân công trách nhiệm, đảm bảo sản phẩm, thời gian hoàn thành cụ thể; thời gian ban hành: chậm nhất 15 ngày làm việc sau thời gian ban hành kế hoạch CCHC trong năm đó của UBND tỉnh: 0.5				
	Không đạt một trong các yêu cầu trên: 0				
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	0.50		Bảng thống kê nhiệm vụ hoàn thành theo Kế hoạch CCHC năm; báo cáo CCHC năm	
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5				
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.25				
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0				
1.2	Công tác kiểm tra CCHC	1.00			Phòng Văn hóa - Xã hội
1.2.1	Tỷ lệ phòng, ban, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trực tiếp CCHC trong năm đánh giá (thời điểm kiểm tra bảo đảm trước thời điểm tự đánh giá của đơn vị là 60 ngày)	0.25		Kế hoạch kiểm tra, biên bản kiểm tra	
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 0.25				
	Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0.15				
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
1.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0.50		Báo cáo kết quả sau kiểm tra; văn bản chấn chỉnh sau kiểm tra; Báo cáo kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra	
	<i>Từ 70% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý}) \times 0.50] / (100\%)$</i>				
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>				
1.2.3	Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại hạn chế sau kiểm tra (thời điểm báo cáo phải trước thời điểm tự đánh giá của đơn vị)	0.25		Báo cáo kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra của từng đơn vị được kiểm tra	
	<i>Có báo cáo đúng thời gian quy định: 0.25</i>				
	<i>Không có hoặc gửi báo cáo quá thời gian quy định: 0</i>				
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	1.25			Phòng Văn hóa - Xã hội
1.3.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0.25		Kế hoạch	
	<i>Có ban hành kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch CCHC năm, đảm bảo rõ nội dung phân công nhiệm vụ, sản phẩm, thời gian thực hiện: 0.25</i>				
	<i>Không có kế hoạch hoặc nội dung không đảm bảo: 0</i>				
1.3.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	0.50		Báo cáo CCHC năm; tài liệu kiểm chứng khác (giấy mời cuộc họp, đường link tin bài, lịch phát sóng, tờ rơi, hình ảnh...)	Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND và UBND, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC đầy đủ các hình thức gồm: Trang thông tin điện tử; Hệ thống truyền thanh trên địa bàn; Hội nghị, cuộc họp chuyên đề về CCHC: 0.25</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua một trong các hình thức sau: Tổ chức cuộc thi; cuộc tọa đàm; tờ rơi, pano... tuyên truyền về CCHC: 0.25</i>				
1.3.3	Tham gia các lớp tập huấn về CCHC theo kế hoạch do Bộ Nội vụ, tỉnh tổ chức theo đúng thành phần triệu tập	0.50		Văn bản triệu tập học viên	Phòng Văn hóa - Xã hội
	<i>Tham gia đầy đủ theo thành phần: 0.5</i>				
	<i>Tham gia không đúng thành phần: 0</i>				
1.4	Có sáng kiến về nội dung CCHC được cấp cơ sở công nhận	1.00		Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền; văn bản xác nhận sáng kiến đã được áp dụng vào thực tế của cấp có thẩm quyền; báo cáo kết quả áp dụng sáng kiến vào thực tế	Phòng Văn hóa - Xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan
	<i>Có từ 02 sáng kiến trở lên: 1</i>				
	<i>Có 01 sáng kiến: 0.5</i>				
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>				
1.5	Tổ chức hội nghị đối thoại với doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh theo chuyên ngành, lĩnh vực phụ trách	1.00		Kế hoạch, Giấy mời	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
	<i>Có tổ chức: 1</i>				
	<i>Không tổ chức: 0</i>				
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan	4.75		Tiêu chí các đơn vị không phải tự đánh giá	
1.6.1	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	1.00			
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*1.00 + (c/a)*0.50$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao. b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ. c là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
1.6.2	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao phân cấp cho xã qua theo dõi, phối hợp với các sở, ban, ngành chủ trì	1.00			
	<i>Thực hiện từ 70% - đến 100% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 1.00)/(100\%)]$</i>				
	<i>Thực hiện dưới 70% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản, điều hành: 0</i>				
1.6.3	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh	2.00			
	<i>100% nhiệm vụ phối hợp được triển khai và thực hiện từ 70% - đến 100% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 2.00)/(100\%)]$</i>				
	<i>100% nhiệm vụ phối hợp được triển khai và thực hiện từ 0% - dưới 70% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 1.50)/(100\%)]$</i>				
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ phối hợp được triển khai và thực hiện từ 70% - dưới 100% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản, điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 1.00)/(100\%)]$</i>				
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ phối hợp được triển khai và thực hiện từ 0% - dưới 70% số nhiệm vụ phối hợp đúng hạn trên phần mềm quản lý văn bản, điều hành, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% nhiệm vụ đúng hạn} \times 0.75)/(100\%)]$</i>				
	<i>Thực hiện dưới 70% số nhiệm vụ phối hợp: 0</i>				
1.6.4	Thực hiện công tác CCHC gắn với Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh do Bộ Nội vụ công bố	0.75			
	<i>Không có những tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả Chỉ số</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	<i>CCHC cấp tỉnh do Bộ Nội vụ đánh giá trong năm trước liền kề năm: 0.75</i>				
	<i>Có những tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả Chỉ số CCHC cấp tỉnh do Bộ Nội vụ đánh giá trong năm trước liền kề năm đánh giá: 0</i>				
1.7	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0.50		Báo cáo CCHC	Phòng Văn hóa - Xã hội
	<i>Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Có 01 báo cáo trở lên chậm thời gian hoặc nội dung không đảm bảo theo quy định: 0.25</i>				
	<i>Thiếu 01 báo cáo trở lên theo quy định: 0</i>				
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	10.00			
2.1	Thực hiện xây dựng và ban hành VBQPPL đảm bảo đúng nội dung, hình thức, đúng trình tự, thủ tục, đúng thời hạn	3.00		Văn bản QPPL, báo cáo thẩm định, các ý kiến tham gia vào dự thảo, báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến	Văn phòng HĐND và UBND
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ % số văn bản được hành đúng thẩm quyền, quy trình) x 3/ (100%)]</i>				
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2.50			Văn phòng HĐND và UBND
2.2.1	Ban hành kế hoạch TDTHPL	0.50		Kế hoạch	
	<i>Có ban hành kịp thời: 0.5</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời: 0.25</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
2.2.2	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1.50		Báo cáo kết quả TDTHPL của đơn vị	
	<i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.5</i>			Văn bản triển khai	
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.5</i>			Quyết định, Công văn, kết	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
				luận	
	<i>Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5</i>			Kế hoạch, văn bản tham gia	
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0.50		Báo cáo kết quả TDTHPL của đơn vị; các văn bản xử lý kết quả theo TDTHPL	
	<i>Thực hiện xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0.5</i>				
	<i>Không thực hiện xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0</i>				
2.3	Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	4.50			Văn phòng HĐND và UBND
2.3.1	Ban hành kế hoạch xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0.50		Kế hoạch	
	<i>Có ban hành kế hoạch của cơ quan đáp ứng yêu cầu về xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL theo kế hoạch của UBND tỉnh: 0.5</i>				
	<i>Có ban hành nhưng nội dung chưa đảm bảo quy định: 0.25</i>				
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0</i>				
2.3.2	Kiểm tra VBQPPL	1.00		Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; Phiếu kiểm tra theo số lượng văn bản QPPL xã ban hành trong kỳ báo cáo	
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% văn bản kiểm tra do UBND cấp xã ban hành có phiếu kiểm tra} \times 1.00)/100]$</i>				
2.3.3	Thực hiện rà soát VBQPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành	0.50		Báo cáo kết quả xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; các Mẫu số 01, 02, 03 kèm theo Nghị	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
				định số 79/2025/NĐ-CP	
	- Quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hằng năm trước ngày 31/01: 0.25 - Quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hằng năm chậm ban hành (trừ trường hợp không có văn bản hết, ngưng hiệu lực): 0			Quyết định công bố theo Điều 43 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP	
	- Có Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL: 0.25 - Không có Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL: 0			Báo cáo	
2.3.4	Xử lý các văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra	1.00		Báo cáo kết quả xử lý văn bản, các văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo Kết luận kiểm tra, Quyết định đình chính, Công văn, kế hoạch, báo cáo	
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% văn bản được xử lý} \times 1)/100]$				
	Dưới 70% văn bản được xử lý: 0				
2.3.5	Chất lượng tự kiểm tra văn bản	1.00		Văn bản được ban hành, Phiếu tự kiểm tra văn bản và Kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	
	Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện, kết luận không có văn bản nào trái về nội dung hoặc sai về thể thức, kỹ thuật trình bày: 1				
	Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện, kết luận từ 01 văn bản có nội dung trái pháp luật hoặc sai về thể thức, kỹ thuật trình bày mà cơ quan tự kiểm tra không phát hiện ra: 0.5				
	Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phát hiện, kết luận từ 02 văn bản có nội dung trái pháp luật hoặc sai về thể thức, kỹ thuật trình bày mà cơ quan tự				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	<i>kiểm tra không phát hiện ra: 0</i>				
2.3.6	Thực hiện đầy đủ yêu cầu, kiến nghị của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	0.50		Các văn bản thực hiện như: Kế hoạch, Công văn, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn	
	<i>Thực hiện đầy đủ yêu cầu, kiến nghị của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản như: Triển khai thực hiện theo các công văn, kết luận đảm bảo đúng hạn, xây dựng báo cáo đúng thời hạn: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện đầy đủ yêu cầu, kiến nghị của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản như: Triển khai thực hiện theo các công văn, kết luận nhưng bị quá hạn, nộp báo cáo chậm quá thời hạn: 0.25</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ yêu cầu, kiến nghị của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản như: Không triển khai thực hiện theo các công văn, kết luận, không xây dựng báo cáo: 0</i>				
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13.00			
3.1	<i>Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm</i>	1.00		Kế hoạch kiểm soát TTHC năm của đơn vị (gửi Văn phòng UBND tỉnh theo đúng thời hạn quy định trong Kế hoạch kiểm soát TTHC năm của UBND tỉnh)	Trung tâm Phục vụ hành chính công
	<i>Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm của đơn vị bảo đảm về thời hạn, nội dung theo Kế hoạch của UBND tỉnh: 1</i>				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm của đơn vị không bảo đảm về thời hạn hoặc về nội dung theo Kế hoạch của UBND tỉnh: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
3.2	<i>Thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC</i>	1.00			Trung tâm Phục vụ hành chính công
3.2.1	Thực hiện đăng ký nội dung rà soát, đánh giá TTHC theo đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh, phục vụ việc xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh	0.50		Văn bản đăng ký nội dung rà soát, đánh giá TTHC của đơn vị (gửi Văn phòng UBND tỉnh trong thời hạn được đề nghị tại Công văn triển khai của Văn phòng UBND tỉnh). Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm của UBND tỉnh.	
	<i>Có đăng ký TTHC và được phê duyệt trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của UBND tỉnh: 0.5</i>				
	<i>Có đăng ký TTHC nhưng không được phê duyệt trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của UBND tỉnh: 0.25</i>				
	<i>Không đăng ký TTHC hoặc đăng ký muộn thời hạn: 0</i>				
3.2.2	Tổ chức thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC theo Kế hoạch của UBND tỉnh giao	0.50		Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của đơn vị (gửi Văn phòng UBND tỉnh theo đúng thời hạn quy định trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm của UBND tỉnh); các văn bản triển khai khác (nếu có); Kết quả rà soát, đánh giá TTHC của đơn vị (gửi Văn phòng UBND tỉnh đánh giá chất lượng trong thời hạn được giao tại Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm của UBND tỉnh); Kết quả rà soát, đánh giá TTHC đã được hoàn	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
				thiện lại (nếu có); Tờ trình thông qua phương án đơn giản hóa TTHC (nếu có) (thực hiện theo đề nghị và trong thời hạn nêu tại Công văn của Văn phòng UBND tỉnh về việc đánh giá chất lượng kết quả rà soát TTHC gửi đơn vị); Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC (nếu có).	
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0.5 (Đối với những đơn vị không được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thì điểm được đánh giá tối đa)</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0</i>				
3.3	Cập nhật đầy đủ, kịp thời hồ sơ giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	1.25		Đánh giá theo số liệu trong Báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ và đối chiếu với số liệu trích xuất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (yêu cầu đơn vị khi tự đánh giá, chấm điểm cần diễn giải chi tiết theo công thức tính điểm).	Trung tâm Phục vụ hành chính công
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ; b là số hồ sơ TTHC được cập nhật. Nếu trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.95$ thì điểm đánh giá là 0.</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
3.4	Tỷ lệ thực hiện tiếp nhận TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	1.00		Văn bản triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính trên địa bàn xã; theo số liệu trong Báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ, có kiểm tra, đối chiếu với số liệu trích xuất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Văn bản triển khai các hoạt động truyền thông, thông tin đến người dân, doanh nghiệp về thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính.	Trung tâm Phục vụ hành chính công
	<i>Đạt 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã: 1</i>				
	<i>Đạt dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã: 0</i>				
3.5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	2.50			Trung tâm Phục vụ hành chính công
3.5.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong kỳ đánh giá được giải quyết đúng hạn và trước hạn	1.00		Đánh giá theo số liệu trong Báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ, có kiểm tra, đối chiếu với số liệu trích xuất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (yêu cầu đơn vị khi tự đánh giá, chấm điểm cần diễn giải chi tiết công thức tính ra tỷ lệ % này = tổng số hồ sơ giải quyết	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
				đúng và sớm hạn trong kỳ/tổng số hồ sơ đã được giải quyết trong kỳ*100%; chứ không phải chỉ đưa ra kết quả)	
	<i>Đạt tỷ lệ 100%: 1</i>				
	<i>Đạt tỷ lệ từ 99% đến dưới 100%: 0.5</i>				
	<i>Dưới 99%: 0</i>				
3.5.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0.50		Phiếu xin lỗi cá nhân, tổ chức theo đúng mẫu và quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ và Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ	
	<i>UBND cấp xã thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0.50</i>				
	<i>UBND cấp xã không thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0</i>				
3.5.3	Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công của đơn vị	1.00		Do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, xuất số liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	
	<i>Đạt điểm xếp loại Xuất sắc: 1</i>				
	<i>Đạt điểm xếp loại Tốt: 0.5</i>				
	<i>Đạt điểm xếp loại dưới mức Tốt: 0</i>				
3.6	Thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan theo quy định	2.25		Kế hoạch, Văn bản triển khai, Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc chuyên đề, đột xuất theo quy định; Dữ liệu	Trung tâm Phục vụ hành chính công

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
				thống kê trên Phần mềm và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh	
	- Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số (hồ sơ đã tiếp nhận + kết quả đã giải quyết). b là số (hồ sơ + kết quả giải quyết) đã được số hóa. - Nếu tỷ lệ $b/a < 80\%$ thì điểm đánh giá là 0				
3.7	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến toàn trình	1.00		Kế hoạch, Văn bản triển khai, Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc chuyên đề, đột xuất theo quy định; Dữ liệu thống kê trên Phần mềm và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của cơ quan, đơn vị. b là tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình của DVCTT mức độ toàn trình trong năm. Nếu $b/a \geq 0.7$ thì đạt điểm tối đa.				
3.8	Triển khai thanh toán trực tuyến	1.50			Trung tâm Phục vụ hành chính công
3.8.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến	0.50		Kế hoạch, Văn bản triển khai, Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc chuyên đề, đột xuất theo quy định; Dữ liệu thống kê trên Phần mềm và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i> <i>a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính</i> <i>b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến</i>				
3.8.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	0.50		Kế hoạch, Văn bản triển khai, Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc chuyên đề, đột xuất theo quy định; Dữ liệu thống kê trên Phần mềm và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh	
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i> <i>a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</i> <i>b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>				
3.8.3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	0.50		Kế hoạch, Văn bản triển khai, Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc chuyên đề, đột xuất theo quy định; Dữ liệu thống kê trên Phần mềm và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh	
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá</i> <i>b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
3.9	Thực hiện chế độ báo cáo về công tác kiểm soát TTHC theo quy định - Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 1.00 + (c/a) * 0.50$. Trong đó: <i>a</i> là tổng số báo cáo phải thực hiện. <i>b</i> là số báo cáo đã thực hiện đúng thời hạn. <i>c</i> là số báo cáo đã thực hiện nhưng muộn so với thời hạn. - Nếu <i>b/a</i> dưới 80% thì tiêu chí này chấm 0 điểm. - Ký số 4/4 Báo cáo công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên Hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ điểm được cộng thêm: 0.5	1.50		Các Báo cáo về công tác kiểm soát TTHC định kỳ, chuyên đề hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. - Báo cáo phải được thực hiện trên Hệ thống thông tin Báo cáo của Văn phòng Chính phủ (đối với báo cáo theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP) hoặc gửi về UBND tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh) trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (HTQLVB&ĐH); - Thời điểm báo cáo được xác định là thời điểm văn thư của đơn vị báo cáo phát hành văn bản trên HTQLVB&ĐH (không tính theo ngày ghi trong Báo cáo); - Đối với các báo cáo muộn quá thời hạn xây dựng báo cáo tổng hợp của tỉnh thì được coi như đơn vị không thực hiện báo cáo (không được tính là báo cáo muộn thời hạn); - Thực hiện ký số Báo cáo công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Hệ thống báo cáo của Văn phòng Chính phủ (04 báo cáo: quý I, II, III và báo cáo năm).	Trung tâm Phục vụ hành chính công

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	10.00			
4.1	Thực hiện quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy	4.00			Phòng Văn hóa - Xã hội
4.1.1	Ban hành quy chế làm việc của UBND cấp xã	1.00		Quy chế	
	<i>Có quy chế làm việc và thực hiện đúng quy chế: 1</i>				
	<i>Không có quy chế hoặc thực hiện không đúng quy chế: 0</i>				
4.1.2	Ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho thành viên UBND cấp xã	1.00		Quyết định	
	<i>Có ban hành đầy đủ; kịp thời sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi: 1</i>				
	<i>Có ban hành nhưng chưa đầy đủ, kịp thời sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi: 0</i>				
4.1.3	Thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở	1.00		Quy chế, hình ảnh niêm yết công khai; Báo cáo	
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
4.1.4	Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã	1.00		Báo cáo tình hình sử dụng biên chế của cơ quan, đơn vị tại thời điểm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính	
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan, đơn vị: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	3.00			Phòng Văn hóa - Xã hội
4.2.1	Thực hiện giao biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp đến cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo quy định	1.00		Quyết định	
	<i>Đảm bảo đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đảm bảo đúng quy định: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
4.2.2	Thực hiện quy định về biên chế công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo quy định	1.00		Báo cáo tình hình sử dụng biên chế của cơ quan, đơn vị tại thời điểm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính, Quyết định	
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>				
4.2.3	Thực hiện đề nghị với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tuyển dụng đối với các vị trí công chức, viên chức còn thiếu theo biên chế được giao	1.00		Văn bản đề nghị	
	<i>Có đề nghị: 1</i>				
	<i>Không thực hiện đề nghị: 0</i>				
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	3.00			Văn phòng HĐND và UBND
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do cấp trên ban hành	1.00		Báo cáo thống kê các văn bản của đơn vị quy định về phân cấp của tỉnh mà đơn vị chịu tác động; báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước	
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>				
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho đơn vị trực thuộc	1.00		Báo cáo kết quả kiểm tra	
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1.00		Các thông báo kết luận kiểm tra; các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua kiểm tra	
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	8.50			
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2.00			Phòng Văn hóa - Xã hội
5.1.1	Thực hiện rà soát, xây dựng bổ sung, điều chỉnh vị trí việc làm khi có hướng dẫn của bộ, ngành, trung ương hoặc khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức	0.50		Đề án (Đề án điều chỉnh) VTVL	
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.1.2	Việc bố trí công chức các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp xã theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0.50		Báo cáo tình hình sử dụng biên chế của cơ quan, đơn vị tại thời điểm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính, danh sách bố trí công chức theo các nhóm VTVL đã được phê duyệt	
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.1.3	Việc bố trí viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0.50		Báo cáo tình hình sử dụng biên chế của cơ quan, đơn vị tại thời điểm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính, danh sách bố trí công chức theo các nhóm VTVL đã được phê duyệt	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.1.4	Việc bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đảm bảo theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0.50		Báo cáo tình hình sử dụng biên chế của cơ quan, đơn vị tại thời điểm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính, danh sách bố trí công chức theo các nhóm VTVL đã được phê duyệt	
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>	1.50			Phòng Văn hóa - Xã hội
5.2.1	Thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã, viên chức sự nghiệp sau khi có ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền	0.50		Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển; văn bản phối hợp rà soát về nhu cầu tuyển dụng. Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...) Trường hợp trong năm đơn vị đã tuyển dụng đủ vị trí thì kết quả được căn cứ vào kỳ tuyển dụng gần nhất năm đánh giá.	
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định hoặc chậm triển khai: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
5.2.2	Thực hiện việc sử dụng, tập sự sau tuyển dụng công chức, viên chức	0.50		Các văn bản về chế độ tập sự	
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.2.3	Thực hiện đúng quy định về việc bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ, đảm bảo đúng theo yêu cầu vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp	0.50		Kết luận các cuộc Thanh tra, kiểm tra, ý kiến phòng chuyên môn Sở Nội vụ theo dõi ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức	
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	0.50		Báo cáo	Phòng Văn hóa - Xã hội
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.4	Quản lý về tiền lương và chế độ chính sách đảm bảo đúng quy định	0.50		Kết luận các cuộc Thanh tra, kiểm tra, ý kiến phòng chuyên môn Sở Nội vụ theo dõi chế độ chính sách, tiền lương, Các công văn thỏa thuận lương	Phòng Văn hóa - Xã hội
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.5	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng	1.00		Kế hoạch ban hành; Báo cáo thực hiện chuyển đổi vị trí công tác; Quyết định	Phòng Văn hóa - Xã hội
	<i>Có xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác: 0.5</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	<i>Thực hiện 100% Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đề ra: 0.5</i>				
5.6	Đánh giá, xếp loại công chức, viên chức	1.00			Phòng Văn hóa - Xã hội
5.6.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại công chức, viên chức theo quy định	0.50		Các văn bản triển khai, Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị	
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.6.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0.50		Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm	
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên do vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi công vụ: 0.5</i>				
	<i>Trong năm có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên do vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi công vụ: 0</i>				
5.7	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1.50			Phòng Văn hóa - Xã hội
5.7.1	CBCCVC của đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ít nhất 01 tuần/năm	0.50		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm; Báo cáo tổng kê kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị	
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ít nhất 1 tuần/năm}) \times 0.5/(100\%)]$</i>				
5.7.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	0.50		Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	<i>Báo cáo về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 0.5</i>				
	<i>Không báo cáo theo quy định: 0</i>				
5.7.3	Cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đảm bảo đúng đối tượng, đủ số lượng, ý thức học tập và kỷ luật tốt trong quá trình tham gia học tập	0.50		Báo cáo kết quả tổ chức, tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; qua kết quả thống kê, đánh giá của Sở Nội vụ	
	<i>Đảm bảo theo quy định: 0.5</i>				
	<i>Không đảm bảo theo quy định: 0</i>				
5.8	Thực hiện cập nhật dữ liệu vào phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức	0.50		Báo cáo tình hình thực hiện; dữ liệu hệ thống	Phòng Văn hóa - Xã hội
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ được nhập so với tổng số} \times 0.5) / (100\%)]$ Lưu ý: Các hồ sơ không cập nhật dữ liệu thường xuyên, thiếu dữ liệu như quá trình lương, phụ cấp chức vụ,... sẽ không được tính</i>				
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	11.00			
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	4.00			Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	2.00		Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công hàng năm nêu rõ tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư theo Kế hoạch được giao năm và đối chiếu với công khai giải ngân của Kho bạc nhà nước	
	<i>Thực hiện giải ngân theo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của năm đánh giá, điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN} \times 2) / (100\%)]$</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1.00		Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền; Báo cáo về việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% số kiến nghị được thực hiện}) \times 1/(100\%)]$</i>				
6.1.3	Thực hiện quy định việc sử dụng kinh phí từ nguồn Ngân sách nhà nước	1.00		Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i>				
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>				
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	4.00			Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
6.2.1	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	1.00		Các văn bản ban hành	
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0.50		Quyết định ban hành quy chế của các cơ quan, đơn vị	
	<i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0.5</i>				
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0</i>				
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0.50		Các văn bản ban hành	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng Tài sản công	1.00		Các văn bản ban hành	
	<i>Có kiểm tra: 1</i>				
	<i>Không kiểm tra: 0</i>				
6.2.5	Tổ chức xây dựng, thực hiện, báo cáo Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...	1.00		Các văn bản ban hành	
	<i>Có tổ chức thực hiện: 1</i>				
	<i>Không tổ chức thực hiện: 0</i>				
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan; đơn vị sự nghiệp (SNCL)	2.00		(Quyết định giao tự chủ; BC kết quả thực hiện tự chủ; các VB liên quan Quy chế chi tiêu nội bộ (bao gồm cả VB sửa đổi, bổ sung); KH, BC tình hình thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí; các BC, số liệu có liên quan ...) phù hợp thời gian kỳ đánh giá	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
6.3.1	Tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị SNCL	1.00		Các văn bản ban hành	
	<i>Có tổ chức thực hiện: 1</i>				
	<i>Không tổ chức thực hiện: 0</i>				
6.3.2	Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các cơ quan, đơn vị SNCL	0.50		Các văn bản ban hành	
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0.5</i>				
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>				
6.3.3	Thực hiện tiết kiệm chi trong cơ quan, đơn vị	0.50		Các văn bản ban hành; chứng từ chi trả thu nhập tăng thêm	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
				của năm trước liền kề	
	<i>Có thực hiện: 0.5</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
6.4	Thực hiện công khai ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã; chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách	1.00		Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách; hình ảnh công khai tại trụ sở xã, Trang thông tin điện tử; nội dung phê duyệt công khai trên truyền thanh xã; thông báo bằng văn bản	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
7	XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	11.00			
7.1	Ban hành kế hoạch phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng, các kế hoạch chuyên đề về chuyển đổi số theo yêu cầu của UBND tỉnh	1.00		Kế hoạch	Phòng Văn hóa - Xã hội
	<i>Kế hoạch đảm bảo nội dung theo hướng dẫn và ban hành kịp thời; hoàn thành trên 90% nội dung kế hoạch: 1</i>				
	<i>Kế hoạch không đảm bảo nội dung theo hướng dẫn hoặc ban hành không kịp thời: 0</i>				
7.2	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	10.00			Văn phòng HĐND và UBND
7.2.1	Thực hiện vận hành tốt đường truyền số liệu chuyên dùng, Hệ thống giám sát ATTT, phối hợp ứng cứu sự cố mạng	1.00		Báo cáo CNTT	
	<i>Đảm bảo duy trì kết nối đường truyền SLCD và Hệ thống giám sát ATTT, thực hiện đầy đủ các lệnh điều phối hợp ứng cứu sự cố mạng: 1</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	<i>Đảm bảo duy trì kết nối đường truyền SLCD và Hệ thống giám sát ATTT; không thực hiện đầy đủ các lệnh phối hợp ứng cứu sự cố mạng: 0.5</i>				
	<i>Không đảm bảo kết nối, không thực hiện đầy đủ các lệnh phối hợp ứng cứu sự cố mạng: 0</i>				
7.2.2	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử	1.50		Số liệu thống kê trên phần mềm; báo cáo CNTT	Văn phòng HĐND và UBND
	<i>Đạt 100%: 1.5</i>				
	<i>Đạt từ 80% - dưới 100%: 1</i>				
	<i>Đạt từ 60% - dưới 80%: 0.5</i>				
	<i>Dưới 60%: 0</i>				
7.2.3	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)	1.00		Báo cáo triển khai	Phòng Văn hóa - Xã hội
	<i>Có ứng dụng AI phục vụ công chức, viên chức: 0.5</i>				
	<i>Có ứng dụng AI phục vụ người dân, doanh nghiệp: 0.25</i>				
	<i>Có ứng dụng AI nâng cao khác: 0.25</i>				
7.2.4	Cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP	1.00		Đường link; theo dõi, đánh giá trực tiếp trên Cổng/Trang thông tin điện tử	Văn phòng HĐND và UBND
	<i>Có đầy đủ chuyên mục theo quy định: 0.25</i>				
	<i>Cập nhật thường xuyên, kịp thời theo quy định điểm đánh giá được cộng thêm: 0.75</i>				
7.2.5	Thực hiện đăng tải công khai các văn bản do đơn vị ban hành lên Trang thông tin điện tử của đơn vị (trừ văn bản mật)	1.00		Báo cáo thống kê; dữ liệu hệ thống phần mềm QLVBDH; đường link công khai	Văn phòng HĐND và UBND
	<i>100% văn bản thuộc thẩm quyền ban hành được đăng tải: 1</i>				
	<i>Dưới 100% văn bản thuộc thẩm quyền ban hành được đăng tải: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
7.2.6	Đài truyền thanh cấp xã có chuyên mục chuyển đổi số	1.00		Báo cáo về nội dung tin bài	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp
	<i>Có chuyên mục về chuyển đổi số, tần xuất 3 tin bài/ tháng: 1</i>				
	<i>Có (hoặc không), tần xuất dưới 3 tin bài: 0</i>				
7.2.7	Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	1.00		Dữ liệu thống kê; Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đánh giá	Văn phòng HĐND và UBND
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
7.2.8	Thực hiện xây dựng danh mục hồ sơ, tài liệu và giao nộp hồ sơ lưu trữ điện tử hàng năm	1.00		Quyết định ban hành danh mục; biên bản giao nộp; dữ liệu là danh mục hồ sơ nguyên bản được triết xuất từ tài khoản của văn thư - lưu trữ cơ quan	Văn phòng HĐND và UBND
	<i>Có thực hiện xây dựng danh mục hồ sơ tài liệu: 0.25</i>				
	<i>Có thực hiện giao nộp 100% hồ sơ lưu trữ điện tử theo danh mục thì điểm đánh giá được cộng thêm: 0.5</i>				
	<i>Có thực hiện giao nộp hồ sơ lưu trữ điện tử ngoài danh mục: 0.25</i>				
7.2.9	Tỷ lệ hồ sơ điện tử được lập và xử lý trên phần mềm QLVBDH	1.50		Đánh giá trên số lượng hồ sơ điện tử được lập trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành	Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hóa - Xã hội
	<i>Đảm bảo hoàn thành từ 80% trở lên chỉ tiêu về lập số hồ sơ điện tử theo kế hoạch giao hàng năm: 1.5</i>				
	<i>Đảm bảo hoàn thành từ 70% đến dưới 80% chỉ tiêu về lập số hồ sơ điện tử theo kế hoạch giao hàng năm: 1</i>				
	<i>Đảm bảo hoàn thành từ 50% đến dưới 70% chỉ tiêu về lập số hồ sơ điện tử theo kế hoạch giao hàng năm: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50%: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
II	ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS)	22.00		Xác định qua điều tra xã hội học	
III	ĐIỂM THƯỞNG VÀ ĐIỂM TRỪ	4.00			
1	Điểm thưởng	4.00			
1.1	Có từ 05 tin, bài/năm được biên soạn, đăng tải những nội dung về công tác CCHC tại bản tin hoặc trên Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1.00		Hình ảnh chụp nội dung niêm yết tại bảng tin cơ quan hoặc đường link đăng tải nội dung về hoạt động công tác CCHC	Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND và UBND
1.2	Có phương án đơn giản hóa TTHC được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, thông qua	1.00		Đơn vị có được giao nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC trong Kế hoạch của UBND tỉnh; đã tham gia đầy đủ với cơ quan chủ trì trong thực hiện nhiệm vụ và có phương án đơn giản hóa TTHC được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt	Trung tâm Phục vụ hành chính công
1.3	Tổ chức các lớp bồi dưỡng, triển khai các nội dung về CCHC đến CB, CC, VC	1.00		Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng, triển khai nội dung CCHC	Phòng Văn hóa - Xã hội
1.4	Có sáng kiến, giải pháp nội dung về CCHC được Hội đồng sáng kiến tỉnh công nhận	1.00		Quyết định của Hội đồng sáng kiến tỉnh	Phòng Văn hóa - Xã hội, Các cơ quan, đơn vị
2	Điểm trừ	3.00			
2.1	Tài liệu kiểm chứng có các văn bản chèn số (ví dụ: 11a, b, c,...) hoặc trùng số hoặc sắp xếp tài liệu không khoa học, không xếp theo đúng thứ tự, trình tự giải quyết công việc	1.00			
2.2	Không triển khai thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao bằng văn bản	1.00			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị chủ trì thực hiện
	có nội dung về công tác CCHC hoặc thực hiện báo cáo khổng, không đúng số liệu, bị cấp trên phát hiện trong năm đánh giá (gọi chung là vi phạm)				
2.3	Cơ quan, đơn vị được xếp hạng chỉ số CCHC thuộc nhóm trung bình trở xuống trong 2 năm liên tiếp liền kề năm đánh giá hoặc có Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt dưới mức 80%	1.00			
	TỔNG ĐIỂM:	100.00			